CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100244112, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.05.06 10:30:43+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

CMC CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness

---

Số/*No*: 128/2026/CV-CMC

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2026

Hanoi, May, 06 2026

THÔNG BÁO

NOTICE

Mua lại cổ phiếu của người Lao động
theo Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động
Repurchase of shares from employees
under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP) Regulation

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC MUA LẠI CỔ PHIẾU:

INTRODUCTION OF THE REPURCHASING ORGANIZATION:

1. Tên Tổ chức mua lại cổ phiếu (đầy đủ): **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

   Full Name of the Repurchasing Organization: ***CMC CORPORATION***

2. Tên viết tắt: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

   Abbreviation: ***CMC CORPORATION***

3. Địa chỉ trụ sở chính: **CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Hà Nội**

   Head Office Address: ***CMC Tower, No. 11 Duy Tan Street, Cau Giay District, Hanoi***

4. Số điện thoại/*Telephone*: **02437958668** Số fax/*Fax number*: **02437958989** Website: **https://www.cmc.com.vn**

5. Vốn điều lệ: **2.329.546.080.000 đồng.**

   Charter Capital: ***2,329,546,080,000 VND***

   (*Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm hai mươi chín tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*)

   (In words: Two trillion, three hundred twenty-nine billion, five hundred forty-six million, eighty thousand Vietnamese Dong)

6. Mã cổ phiếu/ *Stock Code*: **CMG**

7. Nơi mở tài khoản thanh toán

   Payment Account Details:

- Công ty thụ hưởng: Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

  Beneficiary: CMC Corporation

- Số tài khoản/ *Account Number*: 1201 0000 196028

- Tại ngân hàng: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam_CN Sở giao dịch 1_Hà Nội

  At Bank: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Transaction Center 1 Branch – Hanoi

8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 0100244112, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007 cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 14 tháng 02 năm 2026

   Business Registration Certificate: No. 0100244112, initially issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on February 07, 2007, with the 27th amendment registered on February 14, 2026

- **Ngành nghề kinh doanh chính**

  ***Main Business Lines*:**

Mã ngành ***Industry Code***	**Tên ngành, nghề kinh doanh** ***Name of business line***
5820 (chính) ***5820 (Primary)***	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung Xuất bản phần mềm; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; Gia công và xuất khẩu phần mềm (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013) *Software publishing* *Details: Software production, provision of software and content services and solutions; Software publishing; Data processing services and database-related activities; Software outsourcing and export* *(Foreign-invested economic organizations conducting goods trading and activities directly related to goods trading in accordance with Decree No. 09/2018/ND-CP dated January 15, 2018 and Circular No. 34/2013/TT-BCT dated December 24, 2013)*

- **Sản phẩm/dịch vụ chính:**

  Main Products/Services:

- Tích hợp hệ thống

  System integration::

  - Dịch vụ tích hợp hệ thống bao gồm Giải pháp Hạ tầng và Giải pháp Ứng dụng;

    System integration services including Infrastructure Solutions and Application Solutions;

- Cung cấp các giải pháp công nghệ thông tin chuyên ngành cho chính phủ, doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, giáo dục đào tạo;

  Providing specialized IT solutions for government, enterprises, finance, banking, insurance, and education sectors;

- Cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và quản trị chuyên nghiệp.

  Providing professional warranty, maintenance, and management services.

- Viễn thông – Internet:

  Telecommunications – Internet:

  - Dịch vụ hạ tầng viễn thông;

    Telecommunications infrastructure services;

  - Dịch vụ truyền số liệu;

    Data transmission services;

  - Dịch vụ DC/DR và Managed Service;

    DC/DR and Managed Services;

  - Dịch vụ truy cập Internet cho hộ gia đình qua truyền hình cáp; và

    Internet access services for households via cable television; and

  - Dịch vụ giá trị gia tăng.

    Value-added services.

- Phần mềm giải pháp:

  Software solutions:

  - Sản xuất phần mềm đóng gói;

    Packaged software production;

  - Cung cấp phần mềm như dịch vụ (SaaS);

    Providing Software as a Service (SaaS);

  - Dịch vụ thuê ngoài công nghệ thông tin và dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp (ITO và BPO);

    IT Outsourcing and Business Process Outsourcing services (ITO and BPO);

  - Dịch vụ phần mềm theo yêu cầu;

    On-demand software services;

  - Ứng dụng công nghệ Cloud; và

    Cloud technology applications;

  - Khai thác thị trường ODC.

    ODC market exploitation.

- Sản xuất và thương mại

Production and commerce:

- Phân phối thiết bị phần cứng (máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, máy tính xách tay), thiết bị ngoại vi, linh kiện, phần mềm (license);

  Distribution of hardware equipment (servers, workstations, network equipment, laptops), peripheral devices, components, and software (licenses);

- Sản xuất và lắp ráp máy tính để bàn, máy chủ CMS.

  Production and assembly of desktop computers and CMS servers.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Không

   Establishment and operation license: None

II. PHƯƠNG ÁN MUA LẠI CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO QUY CHẾ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

PLAN FOR REPURCHASING EMPLOYEE SHARES UNDER THE REGULATIONS ON SHARE ISSUANCE TO EMPLOYEES

1. Tổng số cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: **232.954.608** cổ phiếu.

   *Total number of shares held prior to the transaction: **232,954,608** shares.*

2. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại: **9.000** cổ phiếu.

   *Total number of shares registered for repurchase: **9,000** shares.*

3. Mục đích mua lại cổ phiếu: Mua lại cổ phiếu của người Lao động đã nghỉ việc theo Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động năm 2022

   Purpose of repurchase: Repurchase of shares from resigned employees under the 2022 Regulations on Share Issuance to Employees.

4. Nguồn vốn thực hiện mua lại: **90.000.000** đồng (Từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty)

   *Source of funding for repurchase: **90,000,000** VND (From the Company's equity)*

5. Phương thức giao dịch: Chuyển quyền thông qua VSD

   Transaction method: Ownership transfer via VSD

6. Nguyên tắc xác định giá: Giá mua lại bằng giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu theo quy định tại Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động năm 2022

   Pricing principle: The repurchase price is equal to the issuance price of 10,000 VND/share in accordance with the 2022 Regulations on Share Issuance to Employees.

7. Số lượng đặt mua hàng ngày: Không

   Daily order quantity: None

8. Thời gian dự kiến giao dịch: Trước tháng 6 năm 2026

   Expected transaction period: Before June 2026

9. Công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu: *Không*

   Securities company designated as the agent for the share repurchase transaction: None

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CMC CORPORATION
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N:0100244112 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
P. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Trung Chính